

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VỊ THANH
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2021/HNGĐ-ST

Ngày 12 – 4 - 2021

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con,
chia tài sản chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trinh.

Các Hội thẩm Nhân dân:

Ông Ngô Văn Tâm.

Bà Trần Thị Hoàng Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Ng Dung - Thư ký Tòa án Nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án Nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 191/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2021 và Thông báo dời ngày xét xử số: 91/TB-TA ngày 22 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Bùi Thanh H. (có mặt)

Địa chỉ: ấp Mỹ Hiệp 3, xã Tân Tiến, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Trúc M. (có mặt)

Địa chỉ: ấp Mỹ Hiệp 3, xã Tân Tiến, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Bùi Văn N. (có mặt)

2. Bà Bùi Thị T. (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Mỹ Hiệp 3, xã Tân Tiến, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

3. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện LV.

Địa chỉ: Số 109, đường Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Đại diện hợp pháp ông Đinh Đức Thuận là đại diện theo ủy quyền, theo văn bản ủy quyền ngày 19/3/2021. Địa chỉ: Số 1107 Trần Hưng Đạo, khu vực 5, phường VII, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Bùi Thanh H trình bày:

Anh Bùi Thanh H và chị Nguyễn Thị Trúc M tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 21/02/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Tiến, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách không phù hợp. Anh H và chị M đã ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng đến mức không thể hàn gắn được nữa nên anh H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh H được ly hôn với chị M.

Về con chung: có một con chung tên Bùi Thị Trúc Ng, sinh ngày 03/8/2019, giới tính nữ. Anh H yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu chị M cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Thửa đất số 381, tờ bản đồ số 08, diện tích 80,3m² và thửa đất số 382, tờ bản đồ số 08, diện tích 305,3m². Cả hai thửa đất đều tọa lạc tại ấp Mỹ Hiệp 3, xã Tân Tiến, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Trên hai thửa đất trên có căn nhà cấp 4, do ông Bùi Văn N và bà Bùi Thị T xây dựng để cho vợ chồng anh H ở, khi nào anh H và chị M không sử dụng nữa thì trả lại cho ông N và bà T. Hai thửa đất trên hiện đang thế chấp tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện LV - Phòng giao dịch phường VII, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Về nợ chung: Nợ bà Bùi Thị T số tiền 10.000.000 đồng.

Về nợ riêng: Nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện LV - Phòng giao dịch phường VII, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang số tiền 37.500.000 đồng.

Anh H yêu cầu chia đôi tài sản chung, do trên đất có căn nhà của cha mẹ cất nên anh H yêu cầu được nhận hiện vật và sẽ hoàn trả ½ giá trị quyền sử dụng đất cho chị M.

Đối với các khoản nợ: Anh H sẽ tự trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ Bưu điện LV. Riêng số tiền 10.000.000 đồng nợ bà Bùi Thị T thì chia đôi số nợ mỗi người phải có trách nhiệm trả cho bà T số tiền 5.000.000 đồng.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày bổ sung: ngoài các tài sản chung nêu trên thì anh H và chị M còn có các tài sản chung khác theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 07/12/2020 và yêu cầu chia đôi, mỗi người nhận $\frac{1}{2}$ tài sản.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Trúc M trình bày: Về quan hệ hôn nhân, con chung như anh H trình bày là đúng. Tuy nhiên, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác.

Về quan hệ hôn nhân: Chị M đồng ý ly hôn vì không muốn đoàn tụ lại với anh H.

Về con chung: Chị M không đồng ý giao con chung cho anh H nuôi dưỡng. Chị M yêu cầu được nuôi con chung. Chị M yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung đến 5 tuổi, mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng 05 năm là 60 tháng, cấp dưỡng một lần với số tiền là 60.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Thửa đất số 381, tờ bản đồ số 08, diện tích 80,3m² và thửa đất số 382, tờ bản đồ số 08, diện tích 305,3m² và căn nhà gắn liền trên đất là tài sản chung của vợ chồng, yêu cầu chia đôi, bà M sẽ nhận giá trị.

Ngoài ra, chiếc xe hiệu Winner 150, thùng loa kéo kéo và các vật dụng khác trong nhà (được thể hiện trong biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 07/12/2020) đều là tài sản chung và yêu cầu được chia đôi, bà M sẽ nhận giá trị, ông H nhận hiện vật.

Tại phiên tòa bị đơn vẫn giữ nguyên các lời khai ban đầu và trình bày bổ sung: vào năm 2020 anh H và chị M có vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện LV số tiền 150.000.000 đồng, anh H và chị M đã tự thỏa thuận phân chia số nợ và chị M đã trả xong phần của chị M, số nợ còn lại anh H sẽ tự trả.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn N và bà Bùi Thị T thống nhất trình bày: Ông, bà là cha mẹ ruột của nguyên đơn anh Bùi Thanh H. Vào khoảng tháng 10/2017 vợ chồng ông có cất nhà cho con trai ra riêng, tổng số tiền vật tư và tiền thợ là 120.000.000 đồng. Căn nhà trên phần đất tranh chấp là do vợ chồng ông xây dựng. Nay anh H, chị M ly hôn và chia tài sản chung thì phải trả cho ông N số tiền 120.000.000 đồng.

Riêng chiếc xe Winner 150 là do vợ chồng ông mua cho anh H và anh H đang đứng tên chủ sử dụng và thùng loa kéo kéo là của vợ chồng ông mua nên không đồng ý chia cho chị M. Chiếc xe và thùng loa là vợ chồng ông bà mua cho riêng anh H.

Tại phiên toà ông Bùi Văn N và bà Bùi Thị T thống nhất trình bày: Căn nhà trên là của vợ chồng ông N, bà T xây dựng, theo kết quả định giá thì căn nhà có giá trị khoảng 240.000.000 đồng nhưng ông N chỉ yêu cầu anh H, chị M phải trả lại 120.000.000 đồng tiền đầu tư xây dựng nhà. Ngoài ra ông N và bà T không có yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu Điện LV có đại diện là ông Đinh Đức Thuận trình bày:

Vào ngày 24/02/2020 Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu Điện LV có cho anh Bùi Thanh H và chị Nguyễn Thị Trúc M vay số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn vay 120 tháng, lãi suất 13,5%/tháng. Đến nay anh H và chị M đã thanh toán được 112.500.000 đồng, còn nợ 37.500.000 đồng.

Nay anh H và chị M ly hôn, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện LV không có yêu cầu anh H và chị M trả lại số tiền còn nợ và không có ý kiến gì thêm. Ông Đinh Đức Thuận có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Vị Thanh tại phiên tòa phát biểu: việc thu thập chứng cứ từ khi thụ lý vụ án của Thẩm phán, việc mở và điều khiển phiên toà của Hội đồng xét xử tại phiên toà là tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho nguyên đơn được ly hôn, giao con chung cho bị đơn nuôi dưỡng, nguyên đơn phải có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định. Về việc chia tài sản chung đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Bùi Thanh H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Trúc M và yêu cầu được nuôi con chung, chia tài sản chung. Đây là tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân

dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Đối với ông Đinh Đức Thuận đại diện hợp pháp của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu Điện LV có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Đinh Đức Thuận.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Thanh H và chị Nguyễn Thị Trúc M tiến tới hôn nhân và đã đăng ký kết hôn vào ngày 21/02/2017 tại Ủy ban Nhân dân xã Tân Tiến, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang nên quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị M là hợp pháp. Về yêu cầu xin ly hôn của anh H, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình chung sống, anh H và chị M thường xuyên xảy ra cãi vã nguyên nhân do tính cách vợ chồng không phù hợp làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng nên anh H và chị M đã ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay. Anh H và chị M đã không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa anh H và chị M đều đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của anh H và chị M.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống anh H và chị M có một con chung tên Bùi Thị Trúc Ng, sinh ngày 03/8/2019, giới tính nữ. Hiện cháu Ng đang sống chung với chị M. Anh H có yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu chị M cấp dưỡng. Xét thấy, cháu Ng hiện tại chưa đủ 36 tháng tuổi, cháu Ng có giới tính nữ, từ lúc mới sinh ra cho đến nay luôn được chị M chăm sóc, nuôi dưỡng. Ngoài ra, chị M hiện có thu nhập ổn định, đủ khả năng nuôi dưỡng con chung. Căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và sau khi cân nhắc việc đảm bảo tốt nhất quyền lợi của cháu Ng sau khi cha, mẹ ly hôn về các mặt vật chất, tình cảm và điều kiện chăm sóc, giáo dục, cũng như tránh làm xáo trộn cuộc sống cháu Ng, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Ng cho chị M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng: Chị M yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng 5 năm là 60 tháng, cấp dưỡng 1 lần với số tiền 60.000.000 đồng.

Tại phiên tòa anh H đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng, cấp dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, đây là sự tự nguyện của anh H và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Anh H là công chức, thu nhập chính từ tiền lương hàng tháng. Số tiền lương hàng tháng anh H còn phải chi tiêu cho các nhu cầu thiết yếu hàng ngày vì vậy việc cấp dưỡng hàng tháng là phù hợp việc cấp dưỡng một lần. Cho nên việc chị M yêu cầu anh H cấp dưỡng một lần là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Về tài sản chung:

[5.1] Anh H và chị M đều thống nhất các tài sản chung theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 07/12/2020 bao gồm:

- Thửa đất số 381, tờ bản đồ số 08, diện tích 80,3m² và thửa đất số 382, tờ bản đồ số 08, diện tích 305,3m², tọa lạc tại ấp Mỹ Hiệp 3, xã Tân Tiến, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Phần đất này đã đăng ký thế chấp tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện LV. Theo mảnh trích đo địa chính số 109/2020 ngày 07/12/2020 thì thửa 381 có diện tích 80,3m², thửa đất số 382, diện tích 305,3m². Tổng diện tích là 385,6m².

- Xe máy Honda Winner biển kiểm soát 95-B1.65199;
- 01 tủ lạnh, hiệu Samsung dung tích 208 lít;
- 01 bàn tròn inox;
- 01 giường sắt hộp;
- 01 tủ nhựa đựng quần áo;
- 01 giường gỗ;
- 01 tủ đựng tivi;
- 01 bộ salon;
- 01 tivi, nhãn hiệu Panasonic, 32 inch;
- 01 loa, model DC-800.

Tại phiên tòa anh H và chị M thống nhất phân chia được các tài sản chung như sau:

Anh H sử dụng xe máy Honda Winner biển kiểm soát 95-B1.65199; 01 giường cây; 01 tủ đựng tivi; 01 tivi, nhãn hiệu Panasonic, 32 inch; 01 loa, model DC-800.

Chị M sử dụng 01 tủ lạnh, hiệu Samsung dung tích 208 lít; 01 bàn tròn inox; 01 giường sắt hộp; 01 tủ nhựa đựng quần áo; 01 bộ salon. Tổng các vật dụng chị M sử dụng có giá trị là 6.800.000 đồng.

[5.2] Đối với thửa đất số 381 và thửa đất số 382 anh H và chị M đồng ý chia đôi, mỗi người $\frac{1}{2}$, anh H nhận hiện vật và hoàn trả cho chị M $\frac{1}{2}$ giá trị. Đây là sự tự nguyện của anh H và chị M nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, hai thửa đất này hiện đang đăng ký thế chấp tại Ngân hàng thương mại cổ phần

Bưu điện LV. Mặc dù Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện LV không có kiến và không có yêu cầu gì về việc ly hôn cũng như chia tài sản chung của anh H và chị M. Tuy nhiên, hai thửa đất trên là tài sản thế chấp tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện LV để đảm bảo việc trả nợ vay của anh H và chị M cho nên hai thửa đất nêu trên tiếp tục là tài sản thế chấp, khi nào anh H, chị M thực hiện xong nghĩa vụ với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện LV thì được đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định.

[5.3] Đối với căn nhà cấp 4 trên thửa đất số 381, và thửa đất số 382. Theo Chứng thư thẩm định giá số 10/BDS ngày 27/01/2021, căn nhà và các công trình phụ khác có giá trị 236.012.177 đồng. Tại phiên toà anh H yêu cầu trả lại cho ông N và bà T 120.000.000 đồng tiền ông N và bà T mua vật tư xây dựng, còn lại khoảng 116.000.000 đồng anh H đồng ý chia đôi, anh H nhận nhà và sẽ hoàn trả cho chị M $\frac{1}{2}$ giá trị. Chị M yêu cầu chia đôi căn nhà, chị M yêu cầu nhận giá trị, chị M không đồng ý trả cho ông N và bà T 120.000.000 đồng tiền đầu tư xây nhà. Ông N cho rằng căn nhà này là của ông N và yêu cầu anh H, chị M phải trả lại 120.000.000 đồng tiền đầu tư xây dựng nhà.

Xét thấy, theo tờ tường trình ngày 16/10/2020 do ông N giao nộp có nội dung ông Nguyễn Văn Thắng xác nhận có lãnh làm công cho ông Bùi Văn N căn nhà cấp 4 để cho con trai ra sống riêng với số tiền 32.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong biên bản ghi lời khai ngày 26/02/2021 ông Thắng xác nhận ông Thắng chỉ nhận số tiền thợ khoảng 31.000.000 đồng từ anh H chứ không có nhận tiền từ ông N. Ngoài ra, trong bản tường trình ngày 16/10/2020 có xác nhận của Trưởng ấp là ông Phạm Hoàng Nối xác nhận việc ông N có xây nhà cho con trai, tuy nhiên đó chỉ là lời nhận xét phiên diện của ông Nối vì không có cơ sở để kiểm chứng.

Tại phiên toà chị M cho rằng tiền mua vật tư là của anh H và chị M, do bận đi làm nên anh H và chị M mới nhờ ông N đi mua dùm vật tư nên trong hoá đơn ghi tên ông N. Sau khi mua vật tư xong ông N có đưa lại cho chị M một số hoá đơn để chị M cất giữ. Tại phiên toà chị M đã cung cấp một số hoá đơn, chứng từ thể hiện có mua vật tư để xây dựng nhà, trong đó có hoá đơn ghi tên anh H và một số hoá đơn ghi tên ông N. Anh H và ông N cũng thừa nhận các hoá đơn chị M cung cấp là có thật, tuy nhiên các hóa đơn đó là tiền mua vật tư để xây hàng rào, máy che chứ không phải để xây dựng nhà.

Theo bản tự khai ngày 26/02/2021 người làm chứng chị Chiêm Mỹ Sắc xác nhận vào năm 2017 cửa hàng vật liệu xây dựng Vương Ken có bán cho ông Bùi

Văn N các loại vật tư xây dựng với tổng số tiền là 69.730.000 đồng. Như vậy, việc ông N có mua vật tư xây dựng vào năm 2017 là có thật nhưng việc ông N có đầu tư xây dựng căn nhà trên thì không có cơ sở để xác định. Ngoài ra, anh H cho rằng ông N có đầu tư xây nhà với số tiền 120.000.000 đồng, tuy nhiên anh H và ông N có mối quan hệ là cha con ruột nên sự thừa nhận này của anh H là không khách quan. Hơn nữa, chị M cũng chứng minh được anh H có mua vật tư xây dựng nhà bằng các hoá đơn đã cung cấp tại toà.

Ông N cho rằng căn nhà trên là do ông N xây dựng nhưng các chứng cứ ông N cung cấp không đủ cơ sở để xác định căn nhà trên là thuộc quyền sở hữu của ông N. Vì vậy, căn nhà tranh chấp nêu trên là thuộc quyền sở hữu của anh H và chị M và yêu cầu đòi lại 120.000.000 đồng của ông N là không có cơ sở để chấp nhận.

Căn nhà cấp 4 nêu trên có một phần được xây dựng trên phần đất của ông N tại được ký hiệu tại ô số II, V, VII, VIII có tổng diện tích 13,5m². Phần đất này ông N chỉ cho anh H cất nhà ở tạm, ông N không có tặng cho anh H. Ông N và anh H không yêu cầu Toà án xem xét phần đất này, anh H và ông N sẽ tự thoả thuận riêng với nhau. Chị M cũng không có yêu cầu gì đối với phần đất này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét thấy, phần đất và căn nhà trên đất của anh H, chị M giáp ranh với đất của ông N, căn nhà cũng có phần xây dựng trên phần đất của ông N, ông N là cha ruột của anh H nên việc giao nhà và đất cho ông H sử dụng sẽ phù hợp và thuận tiện hơn chị M. Anh H có trách nhiệm hoàn trả cho chị M $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà.

[5.4] Theo Chứng thư thẩm định giá số 10/BĐS ngày 27/01/2021, tổng giá trị tài sản chung của anh H và chị M là 374.508.000 đồng. Anh H và chị M mỗi người được quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ tài sản có giá trị là 187.254.000 đồng. Chị M sử dụng các vật dụng trong nhà có giá trị là 6.800.000 đồng, anh H phải hoàn trả lại cho chị M giá trị tài sản chênh lệch là 180.454.000 đồng.

[6] Đối với các khoản nợ:

Đối với khoản nợ 37.500.000 đồng mà anh H, chị M đã vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện LV: trong vụ án này Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện LV không yêu cầu anh H, chị M trả lại số tiền trên nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu có tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác khi có yêu cầu.

Đối với số nợ 10.000.000 đồng của bà Bùi Thị T: chị M không thừa nhận có nợ bà T số nợ trên, trước khi Toà án công khai chứng cứ bà T không yêu cầu giải quyết số nợ này và tại phiên toà bà T cũng không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Bà T có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác khi có yêu cầu.

[7] Từ những phân tích đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[8] Chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, vẽ lược đồ và định giá tài sản tranh chấp là 4.600.000 đồng, buộc nguyên đơn, bị đơn mỗi người phải chịu là 2.300.000 đồng.

[9] Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn; nguyên đơn, bị đơn mỗi người phải chịu 5% án phí dân sự sơ thẩm đối với giá trị tài sản được chia, nguyên đơn phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn N phải chịu án phí đối với yêu cầu độc lập không được Toà án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 19, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Bùi Thanh H. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Bùi Văn N.

2. Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa nguyên đơn anh Bùi Thanh H và bị đơn chị Nguyễn Thị Trúc M.

3. Chị Nguyễn Thị Trúc M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Bùi Thị Trúc Ng, sinh ngày 03/8/2019, giới tính nữ.

Anh Bùi Thanh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

4. Anh Bùi Thanh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng, cấp dưỡng định kỳ mỗi tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 12/4/2021 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

5. Về tài sản chung:

Anh Bùi Thanh H được quyền sử dụng toàn bộ thửa đất số 381, tờ bản đồ số 08, diện tích 80,3m² và thửa đất số 382, tờ bản đồ số 08, diện tích 305,3m², tọa lạc tại ấp Mỹ Hiệp 3, xã Tân Tiến, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang và toàn bộ công trình xây dựng, hoa màu trên thửa đất 381, thửa 382. Theo mảnh trích đo địa chính số 109-2020 ngày 07/12/2020 của Công ty TNHH TV-TK-XD Hiện Đại-Chi nhánh Hậu Giang, kích thước và số đo cụ thể như sau:

Thửa đất đất 381, diện tích 80,3m², cạnh thứ nhất giáp đường Kênh Cầu Sao có số đo 6m, cạnh thứ hai giáp thửa 288 có số đo 13.34m (3.60m + 5.90m+3.84m), cạnh thứ ba giáp thửa 382 có số đo 6.17m, cạnh thứ tư giáp thửa 315 có số đo 13.08m (9.66m+3.42m). Thửa đất đất 382, diện tích 305,3m², cạnh thứ nhất giáp thửa 381 có số đo 6.17m, cạnh thứ hai giáp thửa 287 có số đo 49.94m (9.14m + 3m+37.80m), cạnh thứ ba giáp thửa 287 có số đo 6.50m, cạnh thứ tư giáp thửa 217 và thửa 316 gồm nhiều đoạn có số đo 50.88m (13.82m+4.14m+24.02m+5.40m+3.50m). Hai thửa đất này tiếp tục là tài sản thế chấp tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện LV, khi nào anh H, chị M thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện LV theo Hợp đồng tín dụng số HĐTD802202000217 ngày 22/4/2020 thì anh H được đăng ký quyền sử dụng đất và được thực hiện các quyền sử dụng đất theo quy định.

Anh Bùi Thanh H được sử dụng các công trình trên đất gồm nhà chính được ký hiệu tại ô số I, diện tích 68.9m², kết cấu khung cột bê tông cốt thép, vách tường, mái tole, nền gạch Ceramic, trần Prima; nhà phụ được ký hiệu tại ô số VI, diện tích 19.0m²; mái che trước ký hiệu tại ô số III, diện tích 26.9m², mái che hông ký hiệu ô số IV, diện tích 11.8m².

Anh Bùi Thanh H được quyền sử dụng nhà chính, nhà phụ được xây dựng trên thửa đất 315 và thửa 217 của ông Bùi Văn N cụ thể như sau: Nhà chính ký hiệu ô số II, diện tích 2.3m²; mái che hông ký hiệu ô số V, diện tích 3.6m², nhà phụ ký hiệu ô số VII, diện tích 1.1m²; phần sân ký hiệu ô số VIII diện tích 6,5m².

(Kèm theo bản án là mảnh trích đo địa chính số 109-2020 ngày 07/12/2020 của Công ty TNHH TV-TK-XD Hiện Đại-Chi nhánh Hậu Giang).

Anh Bùi Thanh H được quyền sở hữu sử xe máy Honda Winner biển kiểm soát 95-B1.65199, số máy KC26E1251812, số khung 2603JY006333; 01 giường cây; 01 tủ đựng tivi; 01 tivi, nhãn hiệu Panasonic, 32 inch; 01 loa, model DC-800.

Chị Nguyễn Thị Trúc M được sở hữu 01 tủ lạnh, hiệu Samssung dung tích 208 lít; 01 bàn tròn inox; 01 giường sắt hộp; 01 tủ nhựa đựng quần áo; 01 bộ salon.

Anh Bùi Thanh H phải có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Trúc M số tiền 180.454.000 đồng (một trăm T mươi triệu bốn trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Chi phí thẩm định, vẽ lược đồ phân đất tranh chấp và thẩm định giá tài sản là 4.600.000 đồng (bốn triệu sáu trăm nghìn đồng). Buộc nguyên đơn anh Bùi Thanh H phải nộp là 2.300.000 đồng (hai triệu ba trăm nghìn đồng), anh H đã nộp xong. Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị Trúc M phải nộp là 2.300.000 đồng (hai triệu ba trăm nghìn đồng) để hoàn trả cho nguyên đơn anh Bùi Thanh H đã nộp tạm ứng trước đó.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc nguyên đơn anh Bùi Thanh H phải chịu là 9.962.700 đồng (chín triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn bảy trăm đồng), anh H được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.473.000 đồng (một triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003250 ngày 02/10/2020 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh. Anh H phải nộp thêm là 8.489.000 đồng (T triệu bốn trăm T mươi chín nghìn đồng).

Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị Trúc M phải nộp là 9.362.700 đồng (chín triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn bảy trăm đồng).

Buộc ông Bùi Văn N phải nộp là 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng). Ông N được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0006129 ngày 16/11/2020 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh, ông N phải nộp thêm 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

7. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tòa án

mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Vị Thanh;
- Chi cục THADS TP Vị Thanh;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Tiến, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Thị Trinh